

Số: 338/QĐ-UBND

An Quang, ngày 01 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
cho các phòng, đơn vị, trường học**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã An Quang về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho phòng, đơn vị, trường học như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2025:

* Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: **131.823** triệu đồng: (Trong đó, thu NSDP: **130.989** triệu đồng).

- Thu nội địa NSNN trên địa bàn: 2.422 triệu đồng. (Trong đó, thu nội địa NSDP: **1.588** triệu đồng).

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 126.804 triệu đồng.

Trong đó:

+ Số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố: 125.983 triệu đồng.

+ Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố: 821 triệu đồng.

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 2.597 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 :

* Tổng chi ngân sách địa phương (trước khi trừ tiết kiệm): **130.989** triệu đồng, trong đó:

- Tổng chi thường xuyên (sau khi trừ tiết kiệm): 125.874 triệu đồng

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 2.597 triệu đồng

- Chi dự phòng ngân sách: 2.518 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với dự toán thu ngân sách Nhà nước và cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán thu ngân sách năm 2025 được giao, các phòng, đơn vị, trường học tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025.

Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán: Giao Phòng Kinh tế chủ trì rà soát, sắp xếp, xây dựng phương án chi đảm bảo ưu tiên kinh phí để thực hiện chế độ chính sách cho con người (chi trả lương, chế độ an sinh xã hội,...).

2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao các phòng, đơn vị, trường học lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế theo quy định và gửi Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực III để theo dõi, kiểm soát.

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, ... đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị.

Các phòng, đơn vị, trường học chủ động điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách.

Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ..., căn cứ dự toán năm 2025, các phòng, đơn vị lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế kiểm tra theo quy định.

Căn cứ khối lượng công việc dự toán và khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã phương án phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thuế cơ sở 5 thành phố Hải Phòng, Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc NN Khu vực III, Hiệu trưởng các trường và Thủ trưởng các phòng, đơn vị, trường học có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ad*

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT. *Ad*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Thịnh

Đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND xã An Quang

Mẫu biểu số 48

Chương: 830

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Văn phòng HĐND& UBND xã An Quang

Mã số: 1137603

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN	26.505.465.612
1	Văn phòng HĐND&UBND, Chương 830 - Khoản 341	26.505.465.612
1.1	Dự toán đã chi đến 30/6/2025	21.148.760.612
1.2	Tổng Dự toán 6 tháng cuối năm	5.356.705.000
1.2.1	Dự toán VP HĐND&UBND, Chương 830 - Khoản 341	4.611.074.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức VP HĐND, UBND 6 tháng cuối năm	1.182.000.000
	Phụ cấp ĐBHĐND 6 tháng cuối năm 2025	338.364.000
	Lương 3 công chức BCH QS xã 6 tháng cuối năm 2025	173.000.000
	Phụ cấp với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn 6 tháng cuối năm 2025	2.171.000.000
	Chi phụ cấp thôn đội trưởng 6 tháng cuối năm 2025	81.354.000
	Chi nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025	400.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo ND73(HĐND:5ng, UBND:10ng, QS:3ng, tổng 18bc)	265.356.000
1.2.2	Chương 830 - Khoản 011	35.207.000
	Chi theo luật dân quân tự vệ	35.207.000

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy xã An Quang
Chương: 819

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy xã An Quang

Mã số: 1137602

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN	2.519.996.000
1	Chương 819 - Khoản 351	2.519.996.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức 6 tháng cuối năm	1.695.000.000
	Phụ cấp BCH Đảng ủy xã 6 tháng cuối năm	138.996.000
	Chi nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025	400.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73(18 biên chế)	286.000.000



Đơn vị: Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã An Quang

Mẫu biểu số 48

Chương: 820

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã An Quang

Mã số: 1137601

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN	1.069.423.000
1	Chương 820 - Khoản 361	1.069.423.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức 6 tháng cuối năm	754.000.000
	Chi ĐH ĐKTD 14 thôn + ĐKTD xã, Chi nghiệp vụ MTTQ và các hội đoàn thể 6 tháng cuối năm 2025	222.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73 (9biên chế)	93.423.000



Đơn vị: Phòng Kinh tế xã An Quang

Mẫu biểu số 48

Chương: 831

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã An Quang

Mã số: 1144500

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN	824.391.000
1	Chương 831 - Khoản 341	789.291.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức 6 tháng cuối năm	630.000.000
	Chi nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025	60.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73 (10 biên chế)	99.291.000
2	Chi Phụ cấp quản lý đề nhân dân - Chương 831- khoản 283	35.100.000

Đơn vị: Phòng Văn hóa xã An Quang
Chương: 832

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Phòng Văn hóa xã An Quang
Mã số: 1144549

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN	1.511.351.000
1	Phòng Văn hóa- Chương 832 - Khoản 341	659.211.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức 6 tháng cuối năm	552.000.000
	Chi nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025	36.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73 (6 biên chế)	71.211.000
2	Chi Phụ cấp hưu xã Chương 832- khoản 374	357.000.000
3	Trung tâm sự nghiệp công- Chương 832 - Khoản 341	495.140.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức 6 tháng cuối năm	416.336.000
	Chi nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025	30.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73 (5 biên chế)	48.804.000



Đơn vị: Trung tâm Hành chính công xã An Quang

Mẫu biểu số 48

Chương: 833

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trung tâm Hành chính công xã An Quang

Mã số: 1137404

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN	540.968.000
1	Chương 833 - Khoản 341	540.968.000
	Lương, phụ cấp PC và các khoản đóng góp công chức 6 tháng cuối năm	440.000.000
	Chi nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025	42.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73 (7 biên chế)	58.968.000



Đơn vị: Trường Tiểu học Quốc Tuấn

Mẫu biểu số 48

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường Tiểu học Quốc Tuấn

Mã số: 1012114

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-072)	9.643.328.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-072)	8.918.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	4.504.806.000
	Chi lương + Các khoản theo lương	4.081.742.000
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	423.064.000
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	4.413.194.000
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.881.258.000
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	531.936.000
2.	Kinh phí không tự chủ (822-072)	305.328.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	305.328.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	420.000.000
	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	45.630.000
	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	374.370.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường Tiểu học Quang Trung

Mã số: 1012121

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-072)	7.952.110.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-072)	7.422.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	3.563.417.522
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.185.900.522
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	377.517.000
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.858.582.478
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.534.099.478
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	324.483.000
2.	Kinh phí không tự chủ (822-072)	184.110.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	184.110.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	346.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	346.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS Quốc Tuấn
Mã số: 1015779

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-073)	8.577.796.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-073)	7.792.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	3.203.897.036
	Chi lương + Các khoản theo lương	2.984.684.420
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	219.212.616
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	4.588.102.964
	Chi lương + Các khoản theo lương	4.029.315.580
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	558.787.384
2.	Kinh phí không tự chủ (822-073)	401.672.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	401.548.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	124.000
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	384.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	384.000.000



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THCS Quang Trung

Mã số: 1137603

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-073)	7.766.650.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-073)	7.037.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	3.321.203.800
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.017.810.200
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	303.393.600
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.715.796.200
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.334.189.800
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	381.606.400
2.	Kinh phí không tự chủ (822-073)	380.650.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	380.650.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	349.000.000
	Quỹ khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	349.000.000



Đơn vị: Trường Mầm non Quốc Tuấn

Mẫu biểu số 48

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường Mầm non Quốc Tuấn

Mã số: 1082569

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-071)	7.561.922.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-071)	6.875.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	3.583.298.968
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.072.108.621
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	511.190.347
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.291.701.032
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.188.891.379
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	102.809.653
2.	Kinh phí không tự chủ (822-071)	320.922.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	320.922.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	366.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	366.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường Mầm non Quang Trung

Mã số: 1082570

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-071)	8.523.911.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-071)	7.769.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	3.851.436.435
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.435.113.620
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	416.322.815
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.917.563.565
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.636.886.380
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	280.677.185
2.	Kinh phí không tự chủ (822-071)	340.911.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	340.911.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	414.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	414.000.000



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường Mầm non Quang Hưng

Mã số: 1082571

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-071)	7.347.699.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-071)	6.657.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	3.459.126.724
	Chi lương + Các khoản theo lương	3.082.662.200
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	376.464.524
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.197.873.276
	Chi lương + Các khoản theo lương	2.975.337.800
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	222.535.476
2.	Kinh phí không tự chủ (822-071)	329.699.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	181.816.500
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	147.882.500
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	361.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	361.000.000

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường Tiểu học& THCS Quang Hưng

Mã số: 1133799

Mã KBNN nơi giao dịch: 0071

(Kèm theo Quyết định số 338 /QĐ-UBND ngày 01/08/2025 của UBND xã An Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi NSNN (822-072)	5.893.250.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-072)	5.550.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	2.483.126.266
	Chi lương + Các khoản theo lương	2.337.934.704
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	145.191.562
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.066.873.734
	Chi lương + Các khoản theo lương	2.660.065.296
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	406.808.438
2.	Kinh phí không tự chủ (822-072)	95.250.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	95.250.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	248.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	248.000.000
II	Dự toán chi NSNN (822-073)	6.575.140.000
1.	Kinh phí tự chủ (822-073)	6.040.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	2.722.001.109
	Chi lương + Các khoản theo lương	2.563.892.853
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	158.108.256
1.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	3.317.998.891
	Chi lương + Các khoản theo lương	2.871.107.147
	Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	446.891.744
2.	Kinh phí không tự chủ (822-073)	248.140.000
2.1	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	248.140.000
2.2	Kinh phí còn lại chưa thực hiện	0
3.	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	287.000.000
	Quỹ khen thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	287.000.000